

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT  
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 21/2020/HS-ST  
Ngày 10/9/2020.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ**

***Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Th

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn B và Bà Hà Thị T .

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị H , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:***  
Ông Hà Văn C - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 20/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 28/8/2020 đối với bị cáo:

**1. Họ và tên: Lò Văn T** , sinh năm 1994. Nơi sinh và nơi cư trú: bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 6/12. Bố: Lò Văn H , sinh năm 1954, mẹ: Lò Thị X , sinh năm 1960. Hiện tại bố, mẹ, anh, chị của bị cáo đang sinh sống tại xã Mường chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 19/5/2020, chuyển tạm giam ngày 22/5/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa đến nay, có mặt.

**2. Họ và tên: Lương Văn T** , sinh năm 1997. Nơi cư trú: bản Na Hào, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: trồng trọt. Trình độ học vấn: 01/12 (nhưng không biết chữ). Bố: Lương Văn C , sinh năm: 1975, mẹ: Lương Thị É, sinh năm 1979. Hiện bố, mẹ và chị của bị cáo đang sinh sống bằng nghề trồng trọt tại bản Na Hào, xã Mường chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không.

**3. Họ và tên: Lộc Văn D** , sinh năm: 1995. Nơi cư trú: bản Na Hào, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: trồng trọt. Trình độ học vấn: 9/12. **Bố:** Lộc Văn Ô, sinh năm: 1970, mẹ: Lộc Thị K , sinh năm: 1974. **Vợ:** Lương Thị L ; Sinh năm: 1998. Có một người con sinh năm 2018. Hiện tại bố, mẹ, em, vợ và con của bị cáo đang sinh sống bằng nghề trồng trọt tại bản Na Hào, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.

Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo T và D đều bị tạm giữ ngày 17/5/2020, chuyển tạm giam ngày 22/5/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa đến nay, đều có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 17/5/2020 bị cáo T đi lấy cỏ cho cá ở khu vực đồi Pha Luông, thuộc bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, thì gặp 03 người đàn ông, dân tộc Mông, không biết tên, tuổi, địa chỉ đang ngồi sử dụng ma túy. T đã đến nói chuyện và xin mua với họ 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) tiền ma túy thì được 05 viên hồng phiến (*ma túy tổng hợp*). Mua được ma túy T để ra 03 viên cùng sử dụng với họ, còn lại 02 viên cất vào túi quần đang mặc, sau khi sử dụng xong T đi về chòi rẫy nhà mình thuộc bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Lương Văn T đi bộ từ nhà đến nhà bạn là Lộc Văn D ở cùng bản chơi, T rủ D góp tiền đi mua ma túy về sử dụng, D đồng ý và đang sẵn có 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) trong người nên D góp 50.000đ, còn T thì lấy ra góp 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) cho D cầm tiền. Sau đó T gọi điện thoại hỏi T có ma túy không, T trả lời là còn 02, 03 (hai, ba) viên hồng phiến, T và D đi bộ lên chòi rẫy của nhà T để mua ma túy với T. Khoảng 21 giờ 30 phút thì T và D lên đến Chòi và gặp T, trên đường đi lên Chòi D đã làm rơi mất 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) nên chỉ còn lại 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) và đưa cho Tôn số tiền này, T trực tiếp trao đổi mua bán với T, T lấy 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) với T rồi đưa ma túy cho T. Bán xong ma túy cho T, T đi ngủ, còn T và D đi đâu Thông không biết. Khi đã mua được ma túy T đưa 02 viên hồng phiến cho D cất vào đèn pin có dây đeo và D cầm đèn pin, trên đường đi về thì bị lực lượng Công an xã phối hợp với

Công an huyện Mường Lát kiểm tra, bắt quả tang Tôn và D đang tàng trữ 02 viên hồng phiến (ma túy tổng hợp) trong đèn pin. Còn Thông sáng hôm sau khi nghe tin T và D bị bắt biết mình không thể trốn tránh được nên ngày 19/5/2020 đã ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát.

Tại bản kết luận giám định số: 1404/MT/PC09 ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

*02 (hai) viên nén màu hồng, hình trụ tròn trên bề mặt có dập chìm chữ “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,194g (không thấy một chín tư gam) loại: Methamphetamine.*

Bản cáo trạng số 22/CT-VKS-MT ngày 18/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Lò Văn T về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Các bị cáo: Lương Văn T, Lộc Văn D về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội:** Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về tội danh:* Tuyên bố:

- Bị cáo Lò Văn T phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy*
- Các bị cáo: Lương Văn T và Lộc Văn D về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*,

*Về điều luật:* Áp dụng:

- Điều 260 BLTTHS; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 251 BLHS đối với bị cáo Lò Văn T ;
- Điều 260 BLTTHS; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 điều 51; điểm c khoản 1 điều 249 BLHS đối với các bị cáo Lương Văn T và Lộc Văn D .

*Về hình phạt:*

Hình phạt chính: - Bị cáo T từ **24** đến **28** tháng tù.

- Bị cáo T từ **15** đến **18** tháng tù.

- Bị cáo D từ **14** đến **16** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không có tính khả thi.

*Về vật chứng:* Xử lý theo quy định của pháp luật.

*Về án phí:* Bị cáo được miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không tìm chế được bản thân nên đã cố tình phạm tội. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

**Ý kiến người bào chữa:** Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo. Người bào chữa cho rằng: các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho các bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Các bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt, để sớm được về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa và các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Lò Văn T bán hai viên Hồng phiến cho Lương Văn T với giá 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) là hành vi phạm tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, Các bị cáo Lương Văn T và Lộc Văn D tàng trữ **0,194g** (*không phải một chín bốn gam*) ma túy, loại Methamphetamine, bị bắt quả tang đã phạm tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại BLHS Nước CHXHCN Việt Nam.

Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó, ma túy là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được rằng: Bán ma túy cho người khác và tàng trữ ma túy để sử dụng là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thỏa mãn lợi ích của bản thân. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn trong hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo Lương Văn T và Lộc Văn D chỉ đơn thuần là rủ nhau mua ma túy để sử dụng, không có mục đích khác, bị cáo T là người rủ bị cáo D đi mua ma túy nên chịu hình phạt nặng hơn bị cáo D. Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Lương Văn T và Lộc Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo Thông có bố đẻ là Lò Văn Hường được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. Với các tình tiết này HĐXX

xem xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Xét về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy còn lại sau giám định, tang vật trong vụ án là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành, cần tịch thu, tiêu hủy.

Một đèn pin đã qua sử dụng. Tại phiên Tòa, bị cáo khẳng định không còn sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Số tiền 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) tang vật của vụ án là tiền do bán ma túy mà có nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tang vật của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho tang vật và tài khoản tiền gửi của Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

Đối với 03 người đàn ông, dân tộc Mông đã bán ma túy cho bị cáo T , bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ. Sự việc diễn ra không ai chứng kiến nên Cơ quan CSĐT không đủ cơ sở để xác minh và xử lý đối với những người này.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

***Về tội danh:*** *Tuyên:*

- Bị cáo Lò Văn T , phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

- Các bị cáo Lương Văn T và Lộc Văn D , phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

***Về điều luật và hình phạt:***

**- Đối với bị cáo Lò Văn Thông:**

*Áp dụng:* Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 251; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Lò Văn Thông.

*Xử phạt:* Hình phạt chính: Bị cáo Thông: **26 (Hai sáu)** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Thông tính từ ngày tạm giữ (19/5/2020).

**- Đối với các bị cáo Lương Văn T và Lộc Văn D .**

*Áp dụng:* Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS:

*Xử phạt:* Hình phạt chính: - Bị cáo T : **16 (Mười sáu)** tháng tù.

- Bị cáo D : **14 (Mười bốn)** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Tôn, bị cáo Dừ tính từ ngày tạm giữ (17/5/2020).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 03 bị cáo.

*Về tang vật:* Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

***Tịch thu tiêu hủy:***

- Một phong bì, do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Lộc Văn D , Lương Văn T , có chữ ký và ghi rõ họ tên: Nguyễn Trần Đ , Phạm Văn H cùng các hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa;

- 01 (một) đèn pin đã qua sử dụng.

***Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:*** 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) tang vật của vụ án.

Vật chứng kê trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ-VKS-ML, ngày 18/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số 29/TV-CCTHADS ngày 18/8/2020 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

***Về án phí:*** Áp dụng điều 135, điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên:* Miễn tiền án phí HSST cho các bị cáo .

***Quyền kháng cáo, kháng nghị:*** Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt các bị cáo; người bào chữa; các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Mường Chanh, H. Mường Lát;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**Ngô Thị T**